TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 674/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16/07/2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Lưới.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lại Hữu T
2. Bà Nguyễn Thị Thúy O

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Ông Đồng Văn N - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 07 năm 2019 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 192/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 03 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 187/2019/QĐXXST-DS ngày 26/06/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn T T, sinh năm: 1977, (có mặt)
Địa chỉ: xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Hồ V D, sinh năm: 1974, (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)
Địa chỉ: xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/03/2019 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Nguyễn T T trình bày:

Bà và ông Hồ V D tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1997, đôi bên có tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 74, quyển số 01/005 do Ủy ban nhân dân xã PA, huyện TP, Tỉnh Bình Định cấp ngày 06/06/2005. Quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau, ông D không quan tâm chăm sóc gia đình. Do tình cảm đối với nhau không còn, mâu thuẫn không hàn gắn được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông D.

Về con chung: có 02 con chung tên Hồ Thị Mỹ D, nữ, sinh ngày 17/10/1998 và Hồ Thanh D, nam, sinh ngày 22/01/2001 (tất cả đã trưởng thành).

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 22/5/2019, bị đơn là ông Hồ V D có ý kiến như sau:

Trước đây ông và bà T thuận tình ly hôn và nộp đơn tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, vợ chồng cùng thỏa thuận như sau, quan hệ hôn nhân: thuận tình ly hôn, con chung: có 02 con chung tên Hồ Thị M D, nữ, sinh ngày 17/10/1998 và Hồ TD, nam, sinh ngày 22/01/2001 (tất cả đã trưởng thành), tài sản chung, nợ chung: không có. Nay ông không đồng ý ly hôn nữa vì còn T vợ con. Vợ chồng mâu thuẫn do cuộc sống bất đồng quan điểm và có lúc ông cũng làm điều không đúng. Nếu Tòa án chấp nhận ly hôn của bà T thì tự giải quyết vì các con ông đã trưởng thành. Ông Hồ V D có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Bà Nguyễn T T yêu cầu ly hôn với ông Hồ V D. Đây là tranh chấp về ly hôn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Bị đơn cư trú tại địa bàn huyện Bình Chánh, nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn: Ông Hồ V D có đơn yêu cầu vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông D theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1] Về hình thức: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 74, quyển số 01/005 do Ủy ban nhân dân xã PA, huyện TP, Tỉnh Bình Định cấp ngày 06/06/2005 thì bà Nguyễn T T và ông Hồ V D là vợ chồng được pháp luật công nhận.

[3.2] Về nội dung: Xét lời trình bày của bà T, ông D nhận thấy giữa bà T với ông D trước khi kết hôn đã có thời gian quen biết và tìm hiểu nhau nên hôn nhân giữa đôi bên là hoàn toàn tự nguyện. Vợ chồng chung sống không có hạnh phúc do bất đồng quan điểm, tình tình không hợp và đã ly thân được hơn 07 tháng nên bà T yêu cầu ly hôn với ông D để sớm ổn định cuộc sống. Tại bản tự khai ngày 22/5/2019, ông D thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, có lúc ông cũng làm điều không đúng. Việc này phù hợp với kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh là do hai vợ chồng không hòa hợp trong cuộc sống.

Ông D không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra biện pháp để vợ chồng hàn gắn tình cảm và khi được triệu tập đến tham gia phiên hòa giải ông D vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy ông D đã không quan tâm đến tình trạng hôn nhân, không thiết tha trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy rằng giữa bà T và ông D có mâu thuẫn xảy ra trong cuộc sống, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được, ông bà không thể cùng chung sống để xây dựng gia đình hạnh phúc nên bà T yêu cầu ly hôn với ông D là có cơ sở để chấp nhận.

[3.3] Về con chung: có 02 con chung tên Hồ Thị M D, nữ, sinh ngày 17/10/1998 và Hồ TD, nam, sinh ngày 22/01/2001 (tất cả đã trưởng thành).

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T, ông D cùng khai nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[4] Từ những lý lẽ đã viện dẫn; Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn T T.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn T T chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn T T:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn T T được ly hôn với ông Hồ V D

Giấy chứng nhận kết hôn số 74, quyển số 01/005 do Ủy ban nhân dân xã PA, huyện TP, Tỉnh Bình Định cấp ngày 06/06/2005 không còn giá trị pháp lý

1.2. Về con chung: có 02 con chung tên Hồ Thị M D, nữ, sinh ngày 17/10/1998 và Hồ TD, nam, sinh ngày 22/01/2001 (tất cả đã trưởng thành)

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T, ông D xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí:

2.1. Bà Nguyễn T T chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 150.000 đồng mà bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006986 ngày 13/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh. Bà Nguyễn T T còn phải đóng thêm số tiền 150.000 đồng.

2.2. Hoàn lại cho ông Hồ V D số tiền tạm ứng án phí đã nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0006986 ngày 13 tháng 03 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các

Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Bình Chánh;
- Chi cục THADS huyện Bình Chánh;
- UBND xã Phước An, H. Tuy Phước, tỉnh Bình Định;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Lưới